TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG PHÚ
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **02**/2020/ST-HNGĐ
Ngày: 18/02/2020
Về tranh chấp: "*Ly hôn, chia tài sản chung*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: **Ông Lê Văn Trung**
- *Các Hội thẩm nhân dân*: **Ông Lê Quang Thìn**
Ông Nguyễn Viết Xứng

Thư ký phiên tòa: **Bà Đào Thị Quỳnh Nga** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: **Bà Bùi Thị Dung - Kiểm sát viên**

Ngày 18/02/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 292/2019/TLST-HNGĐ ngày 22/8/2019 về việc *"Ly hôn, chia tài sản chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐST - HNGĐ ngày 03/01/2019 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Chị Mai Thị H,** sinh năm 1978 (có mặt)
Địa chỉ: ấp Dên Dên, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

* Bị đơn: **Anh Bùi Văn N**, sinh năm 1974 (vắng mặt)
Nơi đăng ký HKTT: xóm 7, xã Nghĩa Hải, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định
Nơi cư trú: ấp Dên Dên, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:
Ông Cao Đạo D, sinh năm 1954 (vắng mặt)
Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1955 (vắng mặt)
Anh Bùi Văn T, sinh năm 2001 (có mặt)
Địa chỉ: ấp Dên Dên, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

Ngân hàng TMCP A.B – Chi nhánh tỉnh Bình Phước (vắng mặt**)**
Địa chỉ: Đường Hùng Vương, P. Tân Bình, Tp Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Nguyên đơn chị Mai Thị H trình bày:***

Quan hệ hôn nhân: Chị Mai Thị H và anh Bùi Văn N tìm hiểu chung sống và đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã Hà Lai, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa năm 2003. Quá trình chung sống, hai vợ chồng sống hạnh phúc trong thời gian ngắn sau đó phát sinh mâu thuẫn và kéo dài. Nguyên nhân của việc phát sinh mâu thuẫn là do hai vợ chồng tính tình không hợp, khác biệt quan điểm sống, ngoài ra anh Bùi Văn N có nhiều lần đe dọa đến sức khỏe và tính mạng của chị Mai Thị H và những người thân khác trong gia đình. Nay xác định tình cảm vợ chồng đã hết, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị Mai Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Bùi Văn N.

Con chung, giải quyết con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: chị Mai Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung: Quá trình chung sống, chị Mai Thị H, anh Bùi Văn N tạo dựng được tài sản chung là phần đất có diện tích 237,8 m^2. Đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO018279, số vào sổ GCN 08604/Tân Phú cấp ngày 18/10/2018, thuộc thửa số 106 TBĐ 27 TT Tân Phú; tọa lạc tại ấp Dên Dên, TT Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước. Tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất là căn nhà xây gạch cấp 4 diện tích 120 m^2.

Nợ chung là 328.000.000 vay của ông Cao Đạo D và bà Nguyễn Thị Th năm 2018.

Khi ly hôn, chị Mai Thị H yêu cầu được nhận tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất, đồng ý tự mình trả nợ và hoàn lại giá trị do chênh lệnh chia tài sản cho anh Bùi Văn N.

Ngoài ra, ngày 29/3/2019, chị Mai Thị H có cho ông Cao Đạo D bà Nguyễn Thị Th mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất có diện tích 237,8 m^2 để thế chấp vay số tiền 700.000.000 đồng từ Ngân hàng TMCP A.B – Chi nhánh tỉnh Bình Phước đến nay chưa đến hạn thanh toán. Tại phiên tòa, chị Mai Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với hợp đồng tín dụng được ký giữa chị Mai Thị H và Ngân hàng TMCP A.B – Chi nhánh tỉnh Bình Phước.

**** Bị đơn anh Bùi Văn N trình bày:***

Anh Bùi Văn N đồng ý với lời trình bày của chị Mai Thị H về thời điểm chung sống và thời điểm đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do sau khi xây nhà thì phát sinh nợ nần, kinh tế khó khăn nên chị Mai Thị H và anh Bùi Văn N thường xuyên cãi vã, vợ chồng không tìm thấy tiếng nói chung

dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt. Nay chị Mai Thị H yêu cầu ly hôn thì anh Bùi Văn N cũng đồng ý.

Về con chung: anh Bùi Văn N không yêu cầu giải quyết vấn đề con chung;

Về tài sản chung: Anh Bùi Văn N đồng ý với chị Mai Thị H về tài sản chung và các khoản nợ chung.

Khi ly hôn, anh Bùi Văn N đồng ý giao toàn bộ tài sản chung là phần đất có diện tích 237,8 m^2 và căn nhà xây cấp V gắn liền với quyền sử dụng đất cho chị Mai Thị H quản lý, sử dụng và sở hữu. Đề nghị chị Mai Thị H tự mình liên hệ với ông Cao Đạo D và bà Nguyễn Thị Th để xác định khoản nợ chung của vợ chồng và tự mình trả nợ ông Cao Đạo D và bà Nguyễn Thị Th số tiền gốc đã vay để làm nhà. Sau khi trả nợ, giá trị tài sản còn lại là bao nhiêu chia làm hai phần, mỗi người hưởng 01 phần. Do đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bình Phước nên anh Bùi Văn N đề nghị Tòa án giao phần giá trị tài sản mà anh Bùi Văn N được hưởng cho con trai là Bùi Văn T quản lý giúp, sau này chấp hành án xong sẽ nhận lại tài sản sau.

Đối với Hợp đồng tín dụng được ký giữa chị Mai Thị H và Ngân hàng TMCP A.B – Chi nhánh tỉnh Bình Phước và việc cho mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giữa chị Mai Thị H với ông Cao Đạo D, bà Nguyễn Thị Th do anh Bùi Văn N không được tham gia thỏa thuận, bàn bạc và không được sự đồng ý của anh Bùi Văn N nên anh Bùi Văn N đề nghị chị Mai Thị H, Ngân hàng TMCP A.B, ông Cao Đạo D, bà Nguyễn Thị Th tự giải quyết với nhau, anh Bùi Văn N không có ý kiến gì, có yêu cầu vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: ông Cao Đạo D và bà Nguyễn Thị Th trình bày:*

Năm 2018, do thiếu tiền làm nhà ở nên anh anh Bùi Văn N và chị Mai Thị H có vay của ông Cao Đạo D và bà Nguyễn Thị Th số tiền cụ thể như sau:

Đợt 1: Vay của ông Cao Đạo D số tiền 250.000.000 đồng,

Đợt 2: Vay của bà Nguyễn Thị Th số tiền là 78.000.000 đồng.

Sau khi vay, anh Bùi Văn N đã làm công cho ông Cao Đạo D, bà Nguyễn Thị Th để trừ nợ dần mỗi tháng 4.000.000 đồng. Tính đến ngày 21/10/2019 (thời điểm anh Bùi Văn N bị bắt tạm giam) thì số tiền anh Bùi Văn N, chị Mai Thị H còn nợ lại của bà Nguyễn Thị Th, ông Cao Đạo D là 256.900.000 đồng.

Khi chị Mai Thị H, anh Bùi Văn N ly hôn, chia tài sản thì ông Cao Đạo D và bà Nguyễn Thị Th xác định khoản nợ chung nói trên chưa đến hạn thanh toán do các bên thỏa thuận anh Bùi Văn N sẽ làm thuê trả nợ dần cho đến khi hết nợ. Tuy nhiên, do anh Bùi Văn N bị bắt tạm giam thì ông Cao Đạo D, bà Nguyễn Thị Th đề nghị

Tòa án xác định người trả nợ cho ông Cao Đạo D bà Nguyễn Thị Th nhằm tạo điều kiện cho ông Cao Đạo D bà Nguyễn Thị Th thu hồi nợ sau này.

Ngoài ra, trong năm 2019, ông Cao Đạo D, bà Nguyễn Thị Th có nhờ riêng chị Mai Thị H thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất nói trên để vay tiền tại Ngân hàng TMCP A.B – Chi nhánh tỉnh Bình Phước với số tiền 700.000.000 đồng, thời hạn trả dần trong 10 năm. Khi đến hạn thanh toán, ông Cao Đạo D, bà Nguyễn Thị Th sẽ nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về trả lại cho chị Mai Thị H hoặc anh Bùi Văn N trong trường hợp Tòa án giải quyết phân chia tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất cho người nào quản lý sử dụng.

Do bận công việc, ông Cao Đạo D, bà Nguyễn Thị Th xin vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

** Tại Công văn số 14/CV/CNBP-20 ngày 17/02/2020, đại diện Ngân hàng TMCP A.B là ông Nguyễn Quốc Đạt trình bày:*

Bà Mai Thị H có thế chấp thửa đất diện tích 237,8 m^2 thuộc thửa số 106, TBĐ 27 tại ấp Dên Dên, TT Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán nợ cho khoản vay 700.000.000 đồng vào ngày 30/3/2019; thời hạn vay là 120 tháng tính từ ngày 30/3/2019 theo Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp tài sản số 33/19/TD/XXIX ngày 29/3/2019.

Nay bà Mai Thị H ly hôn và yêu cầu chia tài sản với ông Bùi Văn Nam thì Ngân hàng TMCP A.B – Chi nhánh tỉnh Bình Phước sẽ gửi thông báo cho bà Mai Thị H tất toán số tiền đã vay còn lại trong thời hạn 15 ngày làm việc. Nếu quá thời hạn đó mà bà Huệ không thực hiện thì Ngân hàng TMCP A.B – Chi nhánh tỉnh Bình Phước sẽ thực hiện thủ tục khởi kiện theo quy định.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước xác định trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án và các đương sự về cơ bản tuân thủ đầy đủ các quy định về pháp luật tố tụng; về nội dung vụ án đề nghị áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên xử cho chị Mai Thị H được ly hôn với anh Bùi Văn N; chia tài sản chung và giải quyết nợ chung theo hướng: Giao toàn bộ diện tích 237,8 m^2 và căn nhà xây cấp V gắn liền với quyền sử dụng đất cho chị Mai Thị H quản lý, sử dụng và sở hữu, buộc chị Mai Thị H tự mình trả cho ông Cao Đạo D và bà Nguyễn Thị Th số tiền gốc đã vay 256.900.000 đồng, hoàn lại cho anh Bùi Văn N số tiền 121.550.000 đồng; tách việc giải quyết hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được ký giữa chị Mai Thị H với Ngân hàng TMCP A.B để giải quyết bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Quan hệ hôn nhân: Chị Mai Thị H và anh Bùi Văn N tìm hiểu và chung sống vào năm 1999 và đăng ký kết hôn từ năm 2003 tại Ủy ban nhân dân xã Hà Lai, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Mai Thị H xác định tình cảm vợ chồng đã hết, mâu thuẫn gia đình trở nên trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị Mai Thị H được ly hôn với anh Bùi Văn N.

Đối với bị đơn anh Bùi Văn N đã được Tòa án triệu tập để tham gia phiên hòa giải, nhằm hóa giải mâu thuẫn, tạo điều kiện vợ chồng trở về đoàn tụ, xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng vẫn vắng mặt. Quá trình giải quyết vụ án, anh Bùi Văn N thể hiện ý chí đồng ý ly hôn với chị Mai Thị H. Do đó, cần áp dụng điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giải quyết cho chị Mai Thị H được ly hôn với anh Bùi Văn N là phù hợp.

[2]. Con chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xet xử không xem xét giải quyết.

[3]. Tài sản chung và các khoản nợ chung:

Quá trình giải quyết vụ án, chị Mai Thị H và anh Bùi Văn N đều xác định tài sản chung của vợ chồng là phần đất có diện tích 237,8 m^2, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO018279, số vào sổ GCN 08604/Tân Phú ngày 18/10/2018, thuộc thửa số 106 TBĐ 27 TT Tân Phú; tọa lạc tại ấp Dên Dên, TT Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước. Tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất là căn nhà xây gạch cấp 4 diện tích 120 m^2. Tổng giá trị tài sản do các bên thỏa thuận là 500.000.000 đồng.

Chị Mai Thị H có yêu cầu nhận đất và nhà, đồng thời tự nguyện thanh toán các khoản nợ chung và hoàn lại giá trị tài sản chênh lệch cho anh Bùi Văn N. Anh Bùi Văn N thể hiện ý chí nguyện vọng là giao nhà và đất cho chị Mai Thị H quản lý, sử dụng và sở hữu. Đề nghị chị Mai Thị H tự mình liên hệ với ông Cao Đạo D và bà Nguyễn Thị Th để thanh toán khoản nợ chung của vợ chồng cho ông Cao Đạo D và bà Nguyễn Thị Th. Sau khi trả nợ, giá trị tài sản còn lại là bao nhiêu chia làm hai phần, mỗi người hưởng 01 phần, đồng thời đề nghị Tòa án giao cho anh Bùi Văn T (con chung của anh Bùi Văn N chị Mai Thị H) quản lý tài sản được chia, sau khi chấp hành án xong sẽ nhận lại tài sản.

Xét yêu cầu, nguyện vọng nói trên của chị Mai Thị H và anh Bùi Văn N cơ bản là thống nhất về phương án chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn và phù

hợp với hoàn cảnh thực tế của hai bên nên xét cần chấp nhận yêu cầu của chị Mai Thị H, giao cho chị Mai Thị H được quyền sử dụng đất diện tích 237.8 m^2 và sở hữu tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất là căn nhà có diện tích 120 m^2. Đồng thời, buộc chị Mai Thị H phải tự mình thanh toán nợ chung và hoàn lại giá trị chênh lệch cho anh Bùi Văn N là phù hợp.

Nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, anh Bùi Văn N, chị Mai Thị H, ông Cao Đạo D, bà Nguyễn Thị Th đều xác định số nợ còn lại anh Bùi Văn N, chị Mai Thị H phải trả cho ông Cao Đạo D, bà Nguyễn Thị Th sau khi khấu trừ tiền công anh Bùi Văn N làm thuê cho ông Cao Đạo D bà Nguyễn Thị Th từ tháng 01/2019 đến ngày 21/10/2019 là 256.900.000 đồng. Đây là khoản nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, chị Mai Thị H có yêu cầu giải quyết nợ chung nên cần xác định anh Bùi Văn N, chị Mai Thị H mỗi người phải chịu trách nhiệm trả ½ tổng số nợ cho ông Cao Đạo D, bà Nguyễn Thị Th là phù hợp.

Tài sản chung của chị Mai Thị H, anh Bùi Văn N còn lại sau khi trừ nợ phải trả là 243.100.000 đồng, tương ứng mỗi người được hưởng 121.550.000 đồng. Do chị Mai Thị H được nhận toàn bộ tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân nên buộc chị Mai Thị H phải trả cho ông Cao Đạo D, bà Nguyễn Thị Th toàn bộ số nợ còn lại là 256.900.000 đồng và hoàn trả cho anh Bùi Văn N 121.550.000 đồng tiền chênh lệch chia tài sản.

Do anh Bùi Văn N hiện đang bị tạm giam để điều tra về tội phạm hình sự nên giao số tiền 121.550.000 đồng anh Bùi Văn N được chia cho anh Bùi Văn T (con ruột anh Bùi Văn N chị Mai Thị H) quản lý thay cho anh Bùi Văn N trong thời gian bị tạm giam và chấp hành án. Sau khi có yêu cầu của anh Bùi Văn N, anh Bùi Văn T phải hoàn trả lại số tiền trên cho anh Bùi Văn N.

Quá trình giải quyết vụ án, do các đương sự không trình bày về hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa chị Mai Thị H và Ngân hàng TMCP A.B. Ngày 17/02/2020, Ngân hàng TMCP A.B có văn bản đề nghị chị Mai Thị H phải thanh toán nợ cho Ngân hàng trước khi chia tài sản, tuy nhiên, do đề nghị này của Ngân hàng thực hiện sau khi Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Mặt khác, như nhận định ở trên, thửa đất có diện tích 237,8 m^2 là tài sản chung của vợ chồng, việc thế chấp tài sản (là quyền sử dụng đất) để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ phải được sự đồng ý của vợ chồng nhưng khi ký hợp đồng thế chấp để đảm bảo cho hợp đồng tín dụng số 33/19/TD/XXIX ngày 29/3/2019 thì chỉ có chị Mai Thị H ký, anh Bùi Văn N không tham gia ký kết hợp đồng nên không có căn cứ buộc anh Bùi Văn N phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Trong vụ án này, Ngân hàng chưa thực hiện việc khởi kiện theo quy định nên cần tách việc giải quyết Hợp đồng tín dụng và Hợp

đồng thế chấp tài sản số 33/19/TD/XXIX ngày 29/3/2019 giữa chị Mai Thị H và Ngân hàng TMCP A.B – Chi nhánh tỉnh Bình Phước để giải quyết sau khi Ngân hàng TMCP A.B có yêu cầu.

Đối với quan hệ vay mượn tài sản liên quan đến Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất diện tích 237,8 m^2 thuộc thửa số 106 TBĐ 27 TT Tân Phú và nghĩa vụ thanh toán số tiền 700.000.000 đồng phát sinh từ Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp tài sản số 33/19/TD/XXIX ngày 29/3/2019 giữa chị Mai Thị H và ông Cao Đạo D, bà Nguyễn Thị Th do các bên chưa có tranh chấp, không ai có yêu cầu Tòa án giải quyết nên cần tách ra để giải quyết sau khi phát sinh tranh chấp và có yêu cầu.

3. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Chị Mai Thị H, anh Bùi Văn N phải nộp theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 51, 56, 59, 60, 62 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ các Điều 147, 227, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự

Căn cứ các Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị H.

1. Quan hệ hôn nhân: Tuyên xử cho chị Mai Thị H được ly hôn với anh Bùi Văn N

2. Giải quyết tài sản chung và các khoản nợ chung:

Giao cho chị Mai Thị H quản lý, sử dụng và sở hữu các tài sản là mảnh đất có diện tích 237,8 m^2 thuộc thửa số 106 TBĐ 27 TT Tân Phú; tọa lạc tại ấp Dên Dên, TT Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO018279, số vào sổ GCN 08604/Tân Phú ngày 18/10/2018. Tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất là căn nhà xây gạch cấp 4 diện tích 120 m^2.

Buộc chị Mai Thị H phải trả cho ông Cao Đạo D, bà Nguyễn Thị Th số nợ còn lại là 256.900.000 đồng và hoàn trả cho anh Bùi Văn N 121.550.000 đồng tiền chênh lệch chia tài sản.

Do anh Bùi Văn N hiện đang bị tạm giam để điều tra về tội phạm hình sự nên giao số tiền 121.550.000 đồng anh Bùi Văn N được chia cho cháu Bùi Văn T (con

ruột anh Bùi Văn N chị Mai Thị H) quản lý thay cho anh Bùi Văn N trong thời gian bị tạm giam và chấp hành án. Sau khi có yêu cầu của anh Bùi Văn N, cháu Bùi Văn T phải hoàn trả lại số tiền trên cho anh Bùi Văn N.

Tách việc giải quyết Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp tài sản số 33/19/TD/XXIX ngày 29/3/2019 giữa chị Mai Thị H với Ngân hàng TMCP A.B – Chi nhánh tỉnh Bình Phước và quan hệ vay mượn tài sản liên quan đến Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất diện tích 237,8 m^2 thuộc thửa số 106 TBĐ 27 TT Tân Phú, nghĩa vụ thanh toán số tiền 700.000.000 đồng phát sinh từ Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp tài sản số 33/19/TD/XXIX ngày 29/3/2019 giữa chị Mai Thị H với ông Cao Đạo D, bà Nguyễn Thị Th để giải quyết bằng vụ án khác khi các bên có yêu cầu.

3. Án phí:

Chị Mai Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 6.077.500 đồng án phí dân sự có giá ngạch chia tài sản. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0011121 ngày 21/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước. Sau khi khấu trừ, số tiền án phí còn lại chị Mai Thị H phải nộp là 377.500 đồng.

Anh Bùi Văn N phải nộp 6.077.500 đồng án phí dân sự có giá ngạch.

Chị Mai Thị H, anh Bùi Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Bùi Văn N, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Cao Đạo D, bà Nguyễn Thị Th, đại diện hợp pháp của Ngân hàng TMCP A.B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bình Phước*
- *VKSND huyện Đồng Phú;*
- *THADS huyện Đồng Phú;*
- *UBND xã Hà Lai, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa*
- *Các đương sự;*
- *Lưu*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Văn Trung

THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG PHÚ
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: **Ông Lê Văn Trung**

- *Các Hội thẩm nhân dân*: **Ông Lê Quang Thìn**
Ông Nguyễn Thành Hạnh

Căn cứ vào Điều 236 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Vào hồi 15 giờ 45 ngày 20/01/2020, tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử đã tiến hành nghị án đối với vụ án "Ly hôn, Chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn" giữa:

* Nguyên đơn: **Chị Mai Thị H,** sinh năm 1978 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Dên Dên, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

* Bị đơn: **Anh Bùi Văn N**, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Nơi đăng ký HKTT: xóm 7, xã Nghĩa Hải, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định

Nơi cư trú: ấp Dên Dên, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Cao Đạo D, sinh năm 1954

Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1955

Anh Bùi Văn T, sinh năm 2001

Địa chỉ: ấp Dên Dên, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

Ngân hàng TMCP A.B – Chi nhánh tỉnh Bình Phước

Địa chỉ: Đường Hùng Vương, P. Tân Bình, Tp Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

Nội dung

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thảo luận và quyết định về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

Căn cứ các Điều 51, 56, 59, 60, 62 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ các Điều 147, 227, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự

Căn cứ các Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị H, tuyên xử:

Giao cho chị Mai Thị H quản lý, sử dụng và sở hữu các tài sản là mảnh đất có diện tích 237,8 m^2 thuộc thửa số 106 TBĐ 27 TT Tân Phú; tọa lạc tại ấp Dên Dên, TT Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO018279, số vào sổ GCN 08604/Tân Phú ngày 18/10/2018. Tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất là căn nhà xây gạch cấp 4 diện tích 120 m^2.

Buộc chị Mai Thị H phải trả cho ông Cao Đạo D, bà Nguyễn Thị Th số nợ còn lại là 256.900.000 đồng và hoàn trả cho anh Bùi Văn N 121.550.000 đồng tiền chênh lệch chia tài sản.

Do anh Bùi Văn N hiện đang bị tạm giam để điều tra về tội phạm hình sự nên giao số tiền 121.550.000 đồng anh Bùi Văn N được chia cho cháu Bùi Văn T (con ruột anh Bùi Văn N chị Mai Thị H) quản lý thay cho anh Bùi Văn N trong thời gian bị tạm giam và

chấp hành án. Sau khi có yêu cầu của anh Bùi Văn N, cháu Bùi Văn T phải hoàn trả lại số tiền trên cho anh Bùi Văn N.

Tách việc giải quyết Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp tài sản số 33/19/TD/XXIX ngày 29/3/2019 giữa chị Mai Thị H với Ngân hàng TMCP A.B – Chi nhánh tỉnh Bình Phước và quan hệ vay mượn tài sản liên quan đến Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất diện tích 237,8 m^2 thuộc thửa số 106 TBĐ 27 TT Tân Phú, nghĩa vụ thanh toán số tiền 700.000.000 đồng phát sinh từ Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp tài sản số 33/19/TD/XXIX ngày 29/3/2019 giữa chị Mai Thị H với ông Cao Đạo D, bà Nguyễn Thị Th để giải quyết bằng vụ án khác khi các bên có yêu cầu.

3. Án phí:

Chị Mai Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 6.077.500 đồng án phí dân sự có giá ngạch chia tài sản. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0011121 ngày 21/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước. Sau khi khấu trừ, số tiền án phí còn lại chị Mai Thị H phải nộp là 377.500 đồng.

Anh Bùi Văn N phải nộp số tiền 6.077.500 đồng án phí dân sự có giá ngạch.

Chị Mai Thị H, anh Bùi Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Bùi Văn N, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Cao Đạo D, bà Nguyễn Thị Th, đại diện hợp pháp của Ngân hàng TMCP A.B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương.

Biên bản kết thúc vào hồi 16 giờ 45 phút ngày 18 tháng 02 năm 2020

THÀNH VIÊN	**THẨM PHÁN**
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	**CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**